

Số: /BC-TTYT

Thanh Hóa, ngày tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO

Hoạt động quý I và phương hướng hoạt động quý II năm 2024

Thực hiện kế hoạch số 124/KH-TTYT ngày 30/1/2024 kế hoạch hoạt động Trung tâm Y tế Thanh Hoá năm 2024, Trung tâm Y tế Thanh Hoá báo cáo kết quả hoạt động quý I năm 2024 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG:

- Dân số: 59.037 người
- Diện tích: 470 Km²
- Số trẻ em dưới 1 tuổi: 650 trẻ
- Số trẻ em dưới 5 tuổi: 5.183 trẻ
- Số trẻ dưới 15 tuổi: 11.159 trẻ
- Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ từ 15- 49 tuổi: 16.557
- Tỷ lệ tăng sinh: 11.01 ‰
- Tỷ lệ tử: 5.08‰
- Đơn vị hành chính: 10 xã và 01 thị trấn; 02 xã giáp biên giới Campuchia là Thuận Bình và Tân Hiệp; 04 xã vùng 3; 06 xã vùng 2; 01 xã vùng 1
- Tình hình nhân sự: Trung tâm Y tế Thanh Hóa tập trung cho công tác củng cố ổn định tổ chức các Khoa, Phòng, Trạm Y tế trực thuộc; bổ sung đủ biên chế cho Trung tâm Y tế huyện và Trạm Y tế xã đến nay toàn huyện có: 209 viên chức và 01 hợp đồng chuyên môn, 09 hợp đồng theo Nghị định 161.
+Tuyển huyện: 142, trong đó: Bác sĩ: 28
+ Tuyển xã: 76, trong đó: Bác sĩ: 10

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC :

1. Thực hiện chỉ tiêu được giao: Đến tháng 31/3/2024

- Tỷ lệ SDD trẻ em dưới 5 tuổi (CC/tuổi) = 16.79%.
- Tỷ lệ bác sĩ/vạn dân: 8 (chỉ tiêu tình giao 9.5)
- Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ: 100%.
- Không xảy ra ngộ độc thực phẩm.

2. Công tác phòng, chống dịch bệnh và hoạt động y tế dự phòng

2.1 Công tác phòng chống dịch bệnh:

Tính từ đầu năm 2024 đến nay, trên địa bàn huyện Thanh Hóa không phát hiện ca mắc mới về các bệnh như: bệnh Cúm A(H1N1), Cúm A(H5N1), Cúm A(H7N9), Covid-19, Đậu mùa khỉ, Mác-bóc, Tả, bệnh Đại, Bạch hầu, Rubella, Than, Ho gà, Sốt rét, bệnh do vi rút Zika, Viêm não nhật bản, Viêm màng não do não mô cầu, Thương hàn, Xoắn khuẩn vàng da, Bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và bệnh chưa rõ tác nhân gây bệnh.

Tình hình các bệnh truyền nhiễm:

Loại bệnh	Quý I/2023	Quý I/2024	So sánh
-----------	------------	------------	---------

	Mắc	Chết	Mắc	Chết	
Tả	0	0	0	0	=
Thương hàn	0	0	0	0	=
Lỵ trực trùng	0	0	0	0	=
Lỵ amip	0	0	0	0	=
Tiêu chảy	76	0	75	0	↓ 1
Viêm não do virus	0	0	0	0	=
SXH	27	1	5	0	↓ 22
Sốt rét	0	0	0	0	=
Viêm gan do virus	0	0	0	0	=
Dại	0	0	0	0	=
Viêm não MN do NMC	0	0	0	0	=
Thủy đậu	2	0	1	0	↓ 1
Bạch hầu	0	0	0	0	=
Ho gà	0	0	0	0	=
Uốn ván SS	0	0	0	0	=
UV không phải SS	0	0	0	0	=
LMC nghi bại liệt	0	0	0	0	=
Sởi	0	0	0	0	=
Quai bị	0	0	2	0	↑ 2
Rubeon/Rubella	0	0	0	0	=
Cúm	393	0	424	0	↑ 31
Cúm A/H5N1	0	0	0	0	=
Bệnh do virus Adeno	0	0	2	0	↑ 2
Dịch hạch	0	0	0	0	=
Than	0	0	0	0	=
Xoắn khuẩn vàng da	0	0	0	0	=
Tay chân miệng	2	0	5	0	↑ 3
Bệnh do liên cầu lợn ở người	0	0	0	0	=

Trong 03 tháng đầu năm 2024 đa số các bệnh truyền nhiễm đều giảm so với cùng kỳ. Riêng có 4 bệnh (Tay chân miệng, Quai bị, Cảm cúm, Bệnh do vi rút Adeno) tăng nhẹ so với cùng kỳ 2023, cho nên cần đẩy mạnh tăng cường công tác tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm.

2.2 Kết quả các chương trình y tế mục tiêu Y tế - Dân số:

2.2.1 Phòng chống NKHHCT (ARI):

Nội dung	Quý I/2023	Quý I/2024	So sánh
- Tổng số lượt TE<5t mắc bệnh ARI	1564	1671	↑107

Trong đó: + Bệnh rất nặng	0	0	0
+ Viêm phổi nặng	0	0	0
+ Viêm phổi	39	47	↑8
+ Cảm ho	820	827	↑7
+ Bệnh TH	650	706	↑56
- Tỷ lệ sử dụng kháng sinh trong tai họng	40%	40%	=
- Tỷ lệ sử dụng kháng sinh đúng phác đồ	60%	60%	=
- Số tử vong do NKHHCT	0	0	0

2.2.2 Phòng chống tiêu chảy:

Nội dung	Quý I/2023	Quý I/2024	So sánh
- Số ca bệnh tiêu chảy	76	75	↓ 1
Trong đó sử dụng ORS	61	58	↓ 3
- Số TE<5t bị tiêu chảy	13	6	↓ 7
Trong đó sử dụng ORS	10	6	↓ 4
- Tiêm phòng tả	0	0	=
- Số người chết do tiêu chảy	0	0	=
- Số TE<5t chết do tiêu chảy	0	0	=

2.2.3 Chương trình phòng chống bệnh lao:

Nội dung	Quý I/2023	Quý I/2024	So sánh
- Thu dung trong tháng	17	18	↑1
Trong đó: + Lao BK(+)	11	6	↓5
+ Lao BK(+)	11	6	↓5
Lao tái phát	0	0	=
- Tổng số ngưng trị:	23	14	↓9
Trong đó: + BK(+) âm hoá	12	9	↓3
+ Hoàn thành	07	4	↓3
+ Thất bại	0	0	0
+ Chết	0	0	0
+ Bỏ trị	2	0	↓2
+ Chuyển, khác	03	0	↓3
- Hiện đang quản lý	60	61	↑1
Lao kháng thuốc		2	
- Số người nghi lao XN đàm	0	0	0
- Số lam thực hiện:	0	0	0
+ Lam kiểm soát /Lam(+)	0	0	0
+ Lam phát hiện/Lam (+)	0	0	0
- Điều trị ngoại trú có kiểm soát	0	0	0

2.2.4 Chương trình phòng chống bệnh SXH:

Nội dung	Quý I/2023	Quý I/2024	So sánh
- Tổng số ca SXH:	27	5	↓22

Cas có dấu hiệu cảnh báo	1	0	↓1
Cas không có dấu hiệu cảnh báo	26	5	↓21
Ổ dịch	5	2	↓3
- Số ca tử vong	1	0	↓1

2.2.5 Phòng chống Sốt rét:

Nội dung	Quý I/2023	Quý I/2024	So sánh
- Tổng số bệnh nhân phát hiện	0	0	0
- Số BN được điều trị	0	0	0
- Số lam xét nghiệm	82	60	↓22
- Số người KSTSR(+)	0	0	0
- Số lượng mùng tằm hoá chất	0	0	0

2.2.6 Chương trình phòng chống bệnh phong:

Nội dung	Quý I/2023	Quý I/2024	So sánh
- Bệnh mới phát hiện	0	0	0
Trong đó tàn phế độ II	0	0	0
- Khám tiếp xúc	0	0	0
- Khám phát hiện bệnh phong	303	361	↑58
- Tổng số BN phong quản lý	3	3	0
- Số BN đang điều trị	0	0	0
- Số BN Đang giám sát	0	0	0
- Số BN đang giáo dục PCTP	3	3	0

2.2.7 Phòng chống Bướu cổ:

Nội dung	Quý I/2023	Quý I/2024	So sánh
- Tổng số BN khám bướu cổ	8	7	↓1
+ Bướu cổ đơn thuần	8	7	↓1
+ Basedow	0	0	0
+ Bướu khác	0	0	0
- Tổng số điều trị	8	0	↓8

2.2.8 Chương trình phòng chống nhiễm HIV/AIDS:

Nội dung	Quý I/2023	Quý I/2024	So sánh
- Tổng số người nhiễm HIV	110	113	↑3
- Chuyên AIDS	49	49	0
- Chết do AIDS	28	30	↑2
- Hiện quản lý tại cộng đồng	80	83	↑3
- Bỏ có ở địa phương	0	0	0

Số liệu HIV có tăng so với cùng kỳ là 3 trường hợp.

2.2.9 Chương trình tiêm chủng mở rộng:

Nội dung	Quý I/2023	Quý I/2024	So sánh
- Số trẻ <1t MDDĐ	95	119	↑24
- Tiêm VAT2 thai phụ	129	106	↓23
- Tiêm VGSV B < 24 h	150	124	↓26

-Tiêm viêm não Nhật bản (M1,M2)	166	134	↓32
-Tiêm sởi mũi 2 cho trẻ 18 tháng tuổi	151	135	↓16
-Tiêm sởi	92	126	↑34
-Tiêm VAT phụ nữ tuổi sinh đẻ	0	0	0
-Tiêm DPT4 cho trẻ 18-24 tháng tuổi	152	96	↓56

*** Nhận xét:**

- Tỷ lệ trẻ em <1t MDĐĐ đạt 14.6% so với KH 2024: 95% do thiếu vắc xin SII nên trẻ chưa được tiêm đầy đủ.

*** Tiêm ngừa Covid 19 tính đến 4/4/2023 tổng là 189.221 liều, trong đó:**

- Tiêm cho trẻ từ 5-11 tuổi: 11.605 liều
- Trẻ em 12-17 tuổi: 16.021 liều
- Tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi: 16.021 liều
- Tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên: 161.595 liều

2.2.10 Chương trình sức khỏe tâm thần:

Nội dung	Quý I/2023	Quý I/2024	So sánh
- Số BN tâm thần quản lý	82	79	↓3
+ Động kinh	23	22	↓1
+ Tâm thần phân liệt	59	57	↓2
- Số BN thôi quản lý	0	0	0
- Số BN chết	0	0	0

2.2.11 Chương trình SDD:

- Tỷ lệ SDD trẻ em dưới 5 tuổi (CN/tuổi) = 5.91%
- Tỷ lệ SDD trẻ em dưới 5 tuổi (CC/tuổi) = 16.79 %

Nội dung hoạt động	QUÍ I-2023		TH Quý I/2024			So sánh KH
	Số liệu	Tỷ lệ	KH	Số liệu	Tỷ lệ	
Tổng số TE < 2 tuổi	1527			1484		
Tổng số TE < 2 tuổi được cân, đo	1512	99	99	1469	99	0
Cân nặng sơ sinh < 2500g	2	0.01	5	3	2.1	↑2
Bà mẹ sau sanh uống Vitamin A	132/132	100	98	137/137	100	0
Thai phụ uống viên sắt 9 tháng/thai kì	132/132	100	70	137/137	100	0
Vãng gia	190/730	26	98	71/285	25	↓ 1
Bú mẹ chủ yếu 6 tháng đầu	55/137	40.14	45	94/214	43.92	↑3.8

Bú mẹ hoàn toàn 6 tháng đầu						
TTGD kết hợp với HD.THDDHL cho bà mẹ có con < 2 tuổi	81/459	17.6	30	78/446	17.6	0
TTGD kết hợp với HD.THDDHL cho bà mẹ có con 0-5 tuổi SDD	0	0	100	0	0	0
TTGD kết hợp với HD.THDDHL cho thai phụ	0	0	20	0	0	0
Hướng dẫn kiến thức chăm sóc thực hành dinh dưỡng trẻ ốm / TS trẻ đến khám	460/469	98.05	98	172/176	98.05	0

2.2.12 CSSKSS:

a. Tình hình thực hiện chỉ tiêu BVSKBMTE:

TT	Nội dung	KH 2023	TH QI/2023(%)	KH 2024	TH QI/2024	%	% so CK
1	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai	99%	100% (132/132)	99%	145/145	100%	↑0
2	Khám thai ≥ 4 lần / PN đẻ	≥99%	100% (132/132)	≥99%	145/145	100%	↑0
3	Tỷ lệ tiêm VAT đủ liều	>99%	100% (132/132)	>99%	145/145	100%	↑0
4	Sinh tại cơ sở y tế	≥99.2%	100% (132/132)	≥98%	145/145	100%	↑0
5	Tỷ lệ % bà mẹ được khám sau đẻ tại nhà (42 ngày)	96%	97% (128/132)	96%	144/145	99.3%	↓2.3
6	Tỷ lệ % bà mẹ được khám sau đẻ tại	90%	100% (132/132)	≥90%	144/145	99.3%	↓0.7

	nhà(tuần đầu)						
7	Khám phụ khoa	1435	17.07% (245)	1435	450	31.36%	↑14.29

b. Kế hoạch hóa gia đình: (CSKT)

TT	BPTT	KH 2023	TH.QI 2023(%)	KH 2024	TH.QI 2023	%	% so CK
1	DCTC	240	21 (8.75%)	240	23	9.6%	↑0.85%
2	Thuốc tiêm	60	0	60	0	0	0
4	Thuốc cấy	3	0	3	0	0	0

Nhận xét:

- Chỉ tiêu CSSK: tỉ lệ quản lý thai và thăm sản phụ đạt kế hoạch

- Chỉ tiêu KHHGD: Chưa đạt so với Kế hoạch

2.2.13 An toàn vệ sinh thực phẩm:

+ **Tình hình ngộ độc thực phẩm:** 3 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn huyện không xảy ra ngộ độc thực phẩm.

+ **Công tác thanh kiểm tra**

- Triển khai thực hiện tháng cao điểm Tết Nguyên đán Giáp Thìn và mùa Lễ hội xuân năm 2024.

- Trung tâm Y tế phối hợp đoàn kiểm tra liên ngành ATTP huyện; đoàn kiểm tra liên ngành về ATTP 11 xã, thị trấn kiểm tra: 149 lượt cơ sở. Trong đó: đạt 137 lượt cơ sở, không đạt 12 lượt cơ sở. Một số ít kiểm tra không đạt tập trung những cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ, theo thời vụ chưa đảm bảo điều kiện sức khỏe (chưa thực thực hiện khám sức khỏe/ Khám sức khỏe hết hạn). Phần lớn các cơ sở kinh doanh có ý thức về đảm bảo an toàn thực phẩm, có kiến thức về ATTP, đảm bảo điều kiện vệ sinh tại cơ sở và điều kiện sức khỏe trong kinh doanh theo đúng quy định.

2.2.14. Chương trình Y tế trường học:

Nội dung	Kế hoạch năm	T.hiện quý I	%
- Số học sinh mẫu giáo được: + khám SK, + tẩy giun	01 lần	2051/2051 2051	100%
- Số học sinh tiểu học được: + khám SK + tẩy giun	01 lần	4458/4462 4462	99.9%
- Số học sinh THCS được: + khám SK + tẩy giun	1 lần	3219/3221 3221	99.9%

- Số học sinh THPT được: + khám SK + tẩy giun	01	0	0
- Số trường được đo đạc về điều kiện học tập	14	14	100%
- Giám sát chương trình nha học đường, nội dung 2	01 lần	0	0
Số trường được kiểm tra YTHĐ	01 lần	01	100%

**Nhận xét:* Các xã thực hiện tốt kế hoạch khám sức khỏe đề ra.

2.2.15. Chương trình Y tế lao động:

Nội dung	T.hiện quý I/2023	T.hiện quý I/2024	So sánh
- Số cơ sở <200CN quản lý	68	68	0
- Số cơ sở thực hiện quan trắc môi trường lao động	0	0	0
- Số cơ sở có y tế	0	0	0
- Số cơ sở có khám sức khỏe định kỳ: TS khám/quản lý	35	0	↓35
- Số cơ sở có tập huấn sơ cấp cứu	0	0	0
- Số vụ ngộ độc HCBVTV	0	0	0
- Số người ngộ độc HCBVTV	0	0	0
- Số buổi tuyên truyền về TNLD	0	0	0

** Nhận xét:* số người khám sức khỏe còn thấp.

2.2.16. Chương trình Tai nạn thương tích:

Nội dung	Quý I/2023	Quý I/2024	So sánh
- Số người bị tai nạn trong đó:	310	410	↑100
+ Giao thông	198	252	↑54
+ Sinh hoạt	107	149	↑42
+ Lao động	5	9	↑5
+ Tử vong	01	0	

2.2.17 Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe:

- Công tác truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng
- + Đài phát thanh huyện: 113 lần; đài truyền thanh xã: 345 lần;
- + Phát thanh BV: 94 lần, chiếu phim BV: 100 lần
- Truyền thông giáo dục sức khỏe trực tiếp cho ban ngành huyện, xã: 82 cuộc với 4.974 người tham dự.
- Tổ chức giáo dục sức khỏe tại TTYT, trạm Y tế xã :
 - + Tư vấn, cá nhân: 840 lượt
 - + Họa nhóm: 23 cuộc với 114 người dự
- Tổ chức giáo dục sức khỏe mạng lưới:
 - + Cá nhân: 939 lượt

- + Vãng gia: 1.867 lượt
- Tập huấn chuyên môn cho CBYT, Y tế áp và mạng lưới NVSKCD: 38 lớp với 640 người dự.
- Giám sát kỹ năng giao tiếp cá nhân của NVYT huyện xã và NVSKCD: 45 lượt, đạt >80% bảng kiểm kỹ năng giao tiếp.
- Giám sát kỹ năng giao tiếp cá nhân của ML: 40 lượt, đạt >80% bảng kiểm kỹ năng giao tiếp.
- Phân phối tài liệu truyền thông: cấp phát 12.608 ấn phẩm truyền thông
- * **Nhận xét**
- Một số xã có sự thay đổi cán bộ quản lý chương trình nên hoạt động TT-GDSK chưa sâu sắc và sát thực tế.
- Tham gia viết tin, bài chưa đạt.
- Thiếu Y tế áp : 46 /47 (xã còn thiếu Y tế áp: Tân Tây 01)

2.2.18. Chương trình Đái tháo đường:

Nội dung	03 tháng 2023	03 tháng 2024	So sánh
-Tổng số BN mới	339	32	↓307
-Tổng số quản lý	747	671	↓76
- Tổng số quản lý điều trị đạt mục tiêu	224	117	↓107

Nhận xét:

- Số bệnh nhân ước tính mắc đái tháo đường là 2 % dân số : 1180 người
- Hiện quản lý được 964 ca đạt 81,69 % tại các xã (Chỉ tiêu năm 2024: quản lý trên 55 %), đa số các ca do huyện phát hiện gửi về địa phương quản lý. Còn vài TYT xã chưa tổ chức xét nghiệm đường máu mao mạch phát hiện ĐTĐ;
- Còn 1 vài xã làm chưa hoàn chỉnh phần mềm không lây nhiễm
- Khám sàng lọc THA-ĐTĐ tại xã theo quyết định 1300 BYT còn gặp nhiều khó khăn, chưa đạt chỉ tiêu
- Đề nghị Trạm Y tế tăng cường nhập phần mềm bệnh không lây nhiễm

1.2.19 Chương trình tăng huyết áp:

Nội dung	03 tháng 2023	03 tháng 2024	So sánh
-Tổng số BN mới	1.375	32	↓1343
-Tổng số quản lý	3.094	2.383	↓711
- Tổng số quản lý điều trị đạt mục tiêu	1292	383	↓909

Nhận xét:

- Số bệnh nhân ước tính mắc THA trong huyện là 12 % dân số: 7123 người
- Hiện quản lý 3625 người 51,17 % (chỉ tiêu năm 2024: quản lý > 40 %).
- Triển khai 100% xã thực hiện quản lý, điều trị THA theo nguyên lý Y học gia đình.

- Đề nghị Trạm Y tế tăng cường nhập phần mềm bệnh không lây nhiễm

2.2.20. Chương trình Vệ sinh môi trường:

Nội dung	Quý I/2023	Quý I/2024	So sánh
- Tỷ lệ sử dụng nước hợp vệ sinh	99.6%	99.6%	=
- Tỷ lệ sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh	86%	86%	=
- Tỷ lệ xử lý rác	96%	96%	=

2.2.21. Công tác Phòng Dân số

- Tổng số trẻ sinh và số trẻ sinh con thứ 3 trở lên

Tổng số trẻ sinh 263 trẻ, so cùng kỳ năm 2023 tăng 64 trẻ (cùng kỳ năm 2023: 199 trẻ).

Tổng số trẻ sinh con thứ 3 trở lên 02 trẻ tăng so cùng kỳ năm 2023 (cùng kỳ năm 2023: 1 trẻ); tỷ lệ sinh con thứ 3 là 0.76%.

- Tỷ lệ 60% CVC trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 02 con

Về xã đạt tỷ lệ 60% CVC trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 02 con đạt xã Thủy Tây, Tân Hiệp, Thạnh An, Thạnh Phú, Thạnh Phước so kế hoạch đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch (5/5 xã); ấp khu phố đạt 26 ấp, khu phố so kế hoạch đạt 104% (26/25 ấp, khu phố).

- Chỉ tiêu thực hiện các biện pháp tránh thai

Các biện pháp tránh thai quy đổi CYP toàn huyện đạt 64.74% (2.533/3.913). Trong đó:

+ Đặt vòng: 496/800 ca, đạt 62% so kế hoạch năm.

+ Thuốc viên: 1.425/1.270 ca, đạt 112.20% so kế hoạch năm.

+ Thuốc tiêm tránh thai: 137/200 ca, đạt 68.50% so kế hoạch năm.

+ Thuốc cấy: 9/10 ca, đạt 90% so kế hoạch năm.

+ Bao cao su: 1.256/1.300 ca, đạt 96.62% so kế hoạch năm.

- Nâng cao chất lượng dân số

Thực hiện sàng lọc trước sinh 4 bệnh đạt 38.97 %, so kế hoạch; sàng lọc sơ sinh 5 bệnh đạt 39.43%, so kế hoạch; khám sức khỏe tiền hôn nhân được 101 lượt nam, nữ chuẩn bị kết hôn đạt 24.05% so kế hoạch.

- Chỉ tiêu chăm sóc sức khỏe người cao tuổi định kỳ: đạt 37.03% so chỉ tiêu kế hoạch (2.863/7.331).

- Tỷ số giới tính khi sinh

Tỷ số giới tính khi sinh là 97.76 nam/ 100 nữ (131 nam/ 134 nữ), đạt so kế hoạch đề ra (KH: 107 nam/100 nữ).

* Nhận xét đánh giá

Việc thực hiện các hoạt động phong trào DS- SKSS quý I/2024 thực hiện theo tiến độ kế hoạch; số trẻ sinh; số trẻ sinh con thứ 3 trở lên tăng so cùng kỳ năm 2023; sàng lọc trước sinh; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; các biện pháp tránh thai như đặt vòng, thuốc tiêm, thuốc viên tránh thai, bao cao su; khám sức khỏe tiền hôn nhân tăng hơn so cùng kỳ năm 2023.

Việc xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động chỉ tiêu phong trào Dân số, hoạt động mô hình, đề án diễn ra còn chậm so với tiến độ.

3. Công tác khám chữa bệnh:

Thực hiện QĐ 6858/ QĐ-BYT ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam. Thực hiện Thông tư 19/2013/ TT-BYT của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện quản lý chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện. Công tác khám chữa bệnh được quan tâm đầu tư cải cách thủ tục hành chính tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong cung cách phục vụ, tinh thần thái độ của đội ngũ y bác sĩ, luật BHYT đi vào cuộc sống có nhiều chuyển biến tích cực.

3.1 Công tác khám chữa bệnh huyện:

3.1.1 Khám bệnh:

Đơn vị thực hiện	Quý I/2023	Quý I/2024	So sánh
Cộng của bệnh viện	13.038	13.923	↑885
-Khám BHYT	11.596	11.809	↑213
- Phòng khám đa khoa	8.338	8.486	↑148
- Khám trẻ <6 tuổi	291	299	↑8
- Khám cấp cứu	1.801	1.773	↓28
- Khám thai	145	129	↓16
- Khám phụ khoa	175	234	↑59
- Khám ngoại	686	894	↑208
- Khám YHCT	1.602	1.983	↑381
- Khám RHM	126	125	↓1
- Khám TMH	0	0	0
- Khám mắt	0	0	0

3.1.2 Điều trị nội trú:

Nội dung	Quý I/2023	Quý I/2024	So sánh
- Tổng số bệnh nhân nội trú	526	565	↑39
- Tổng số ngày điều trị nội trú	2.194	2.391	↑197
- Công suất sử dụng giường bệnh	24,38%	26,27%	↑1,89%
- Bình quân ngày điều trị	4,17	4,23	↑0,06

3.1.3 Bệnh nhân khoa cấp cứu:

Nội dung	Quý I/2023	Quý I/2024	So sánh
* Tổng số bệnh nhân:	1.801	1.773	↓28
- Tai nạn giao thông	230	196	↓34
- Tai nạn lao động	7	9	↑2
- Tự tử	12	4	↓8
- Điện giật	0	0	0
- Bỏng	4	1	↓3
- Chết đuối	0	0	0

- Tiểu phẫu	194	181	↓13
- Nắn bó bột	181	1.563	↑15
- Khác	1.548	1	↑1
* Tổng số ca tử vong, trong đó:	0	1	↑1
- Chết trước vào viện	0	0	0
- Chết sau vào viện	0	0	0

3.1.4 Bệnh nhân nghèo, trẻ <6 tuổi:

Nội dung	Quý I/2023	Quý I/2024	So sánh
- T.số BN nghèo điều trị BHYT	130	70	↓60
- T.số TE dưới 6 tuổi khám bệnh	291	371	↑80
- T.số TE dưới 6 tuổi ĐT nội trú	17	17	0

3.1.5 Tình hình thực hiện cận lâm sàng:

Nội dung	Quý I/2023	Quý I/2024	So sánh
Tổng các CLS	5.881	5.659	↓222
- X Quang	1.640	1.599	↓41
- Siêu âm	799	750	↓49
- Điện tim	713	766	↑53
- Nội soi dạ dày	0	0	0
- Huyết học	866	804	↓62
- Sinh hoá	1.234	1.176	↓58
- Vi sinh	106	68	↓38
- Nước tiểu	327	358	↑31
-HIV	70	69	↓1
-Sốt rét	82	60	↓22
- SXH	5	0	↓5
- Soi tươi nhuộm gram	39	9	↓30

3.1.6 Tình hình phẫu thuật:

Nội dung	Quý I/2023	Quý I/2024	So sánh
T.số phẫu thuật	0	0	0
- Loại I	0	0	0
- Loại II	0	0	0
- Loại III	0	0	0
Nắn bó bột	181	185	↑4
Tiểu phẫu	70	176	↑106

3.1.7 Ngoại viện:

Nội dung	Quý I/2023	Quý I/2024	So sánh
- Cấp cứu ngoại viện	14	13	↓1
- Chuyển viện	1.154	1.198	↑44
- Nội trú	65	81	↑16
- Ngoại trú	1.089	1.117	↑28

3.1.8 Tình hình thực hiện công tác YHCT:

Khoa YHCT (TTYT)	Quý I/2023	Quý I/2024
------------------	------------	------------

Điều trị nội trú			
- TS BN điều trị nội trú	BN/ngày	7/60	10/97
Điều trị ngoại trú			
- TS BN điều trị ngoại trú	BN/ngày	12/87	13/97

*** Nhận xét công tác khám chữa bệnh toàn huyện**

- Tổng số lượt khám bệnh toàn huyện 13.923 lượt, tăng 885 lượt so với cùng kỳ năm 2023 (13.038).

- Khám chữa bệnh BHYT là 11.809 lượt, tăng 213 lượt so cùng kỳ với năm 2023 (11.596), số lượt cận lâm sàng 5.659 lượt, giảm 222 lượt so với cùng kỳ năm 2023 (5.881)

- Tỷ lệ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế là 84,8%.

- Công suất sử dụng giường bệnh 26,27%, tăng 1,89%

3.2 Điều trị Covid 19

- Từ ngày 01/01/2024 đến 31/03/2024 Khu điều trị bệnh nhân Covid 19 không có bệnh nhân.

3.3 Công tác khám sức khỏe:

Khám sức khỏe	Quý I/2023	Quý I/2024	So sánh
- Khám sức khỏe tuyến dụng lao động	232	259	↑27
- Khám sức khỏe định kỳ	26	34	↑8
- Khám sức khỏe lái xe	47	169	↑122
- KSK học sinh tập luyện TDTT và miễn thể dục.	0	59	↑59
- Khám định kỳ CSSX, KD thực phẩm	1	9	↑8
- Cấp giấy chứng nhận thương tích	0	0	0
- Khám sức khỏe người tàn tật	0	0	0
Tổng cộng	306	530	↑224

3.4 Hoạt động khám chữa bệnh Trạm Y tế xã:

Đơn vị thực hiện	Quý I/2023	Quý I/2024	So sánh
Tổng cộng khám bệnh	10.305	10.758	↑453
Bệnh nhân BHYT	8.786	9.147	↑361
- Khám bệnh thông thường	0	0	0
- Khám BHYT thường	6.319	6.698	↑379
- Khám BHYT người nghèo/ cận nghèo	116/454	87/404	↓29/↓50
- Khám BHYT trẻ < 06 tuổi	710	635	↓75
- Số thai phụ sinh	0	0	0
- Khám các bệnh khác	2.097	2.107	↑10
- Khám YHCT (lần)	772	709	↓63

4. Công tác xây dựng tiêu chí Quốc gia về y tế xã:

- Các Trạm Y tế xã – thị trấn phân đầu duy trì đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã theo lộ trình đăng ký. Số trạm y tế xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia y tế xã

10/11 xã đạt 90.9% do Trạm Y tế thị trấn mới thành lập lại vào tháng 10/2022 nên chưa được đánh giá Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế xã.

- Hội đồng cấp huyện xét mới trạm y tế Thị trấn Thanh Hoá và xét lại 2 xã duy trì đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế 2023: Thanh An, Thanh Phú.

- Trạm y tế nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân, phòng chống dịch bệnh, đảm bảo 100% xã có bác sĩ.

5. Công tác tổ chức, huấn luyện, đào tạo:

5.1 Công tác đào tạo:

- Trung tâm Y tế Thanh Hoá luôn chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, hiện đang đào tạo: 03 Bác sĩ CKI, 01 Bác sĩ đa khoa, 01 Bác sĩ Y học dự phòng; 01 Dược sĩ CKI.

- Đào tạo chính trị: 02 trung cấp lý luận chính trị

- Kế hoạch cử đi đào tạo năm 2024:

+ Đào tạo dài hạn: 02 Bác sĩ CKI, 01 Dược sĩ CKI; 02 Bác sĩ đa khoa, 05 Điều dưỡng đại học, 01 Cử nhân Y tế công cộng, 01 Hộ sinh đại học.

+ Đào tạo ngắn hạn: 02 tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số; 04 chuyên viên quản lý nhà nước.

+ Mở 02 lớp đào tạo kỹ năng giao tiếp ứng xử cho khoảng 140 nhân viên y tế.

+ Ngoài ra khuyến khích viên chức tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

5.2 Công tác nghiên cứu khoa học và sinh hoạt chuyên môn:

- Thực hiện đăng ký 3 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và bình bệnh án định kỳ hàng tháng 2 tuần 1 buổi. Cử viên chức tham gia các khóa đào tạo liên tục, hội nghị, hội thảo chuyên môn.

5.3 Công tác chỉ đạo tuyến:

a. Đào tạo:

Thực hiện đề án 1816, ký hợp đồng với BVYHCT về hỗ trợ triển khai các kỹ thuật: Kỹ thuật cấy chỉ và tiếp tục chuyển giao kỹ thuật mới cho tuyến xã 2024.

b. Công tác giám sát:

Giám sát việc thực hiện công tác khám chữa bệnh BHYT và thanh quyết toán BHYT tạ bệnh viện và TYT; Giám sát, củng cố hoạt động các chương trình mục tiêu y tế dân số.

c. Công tác phản hồi:

Thiết lập được một hệ thống thông tin phản hồi sai sót chuyên môn cho các Trạm Y tế xã và đảm bảo hoạt động liên tục, tham vấn chuyên môn hoạt động 24/24 giờ, sẵn sàng giải đáp thắc mắc và hỗ trợ tuyến dưới khi có nhu cầu.

5.4 Công tác tuyên truyền phòng bệnh tại bệnh viện:

- Tổ chức 05 góc GDSK tại Khoa Hồi sức cấp cứu và chống độc, Khoa Khám bệnh, khoa Nội tổng hợp, Khoa CSSKSS và Phụ sản, Khoa Ngoại tổng hợp đảm bảo cung cấp thông tin, tranh ảnh, tờ bướm về các dịch bệnh .

- Xây dựng chương trình và lịch phát thanh, chiếu phim hàng tuần trên hệ thống loa Bệnh viện nhằm cung cấp các kiến thức về tình hình bệnh dịch và các biện pháp phòng tránh cho người bệnh nội, ngoại trú.

5.5 Công tác tài chính kế toán: Quý I/2024

- **Ngân sách tỉnh cấp: 7.860.580.001đ/32.177.000.000đ**

+ Hệ điều trị: 3.641.947.692đ/13.570.000.000đ

+ Hệ y tế dự phòng: 1.572.731.082đ/6.673.000.000đ

+ Trạm y tế xã: 2.645.901.227đ/11.934.000.000đ

- **Thu dịch vụ KCB: 3.711.393.318đ**

+ Hệ điều trị: 2.840.533.278đ

+ Hệ dự phòng: 124.127.000đ

+ Trạm y tế xã: 746.733.040đ

6. Công tác Đảng, Đoàn thể:

- Trong quý I năm 2024, Đảng ủy Trung tâm Y tế quán triệt đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Xây dựng Nghị quyết, Kế hoạch để triển khai thực hiện các chỉ tiêu ngành y tế được giao. Trong đó, tập trung thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành là chăm lo sức khỏe cho nhân dân.

- Công đoàn cơ sở luôn được củng cố và hoạt động có hiệu quả vì lợi ích của cán bộ viên chức công đoàn viên, thực hiện phong trào nếp sống văn minh gia đình văn hóa tham gia tốt các phong trào do ngành y tế và địa phương phát động góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Đoàn thanh niên tham gia tổ chức các hoạt động chăm lo sức khỏe cho người nghèo, gia đình chính sách, người có công. Tích cực tham gia các hoạt động của huyện đoàn như: Thăm mẹ Việt Nam anh hùng ở xã Thanh Phước, thực hiện 10 ngàn bước chân vì cộng đồng tại trường THPT Thanh Hoá, thăm địa chỉ đỏ tại bia tưởng niệm ở Tân An... Thường xuyên tiếp nhận và phát cơm, quà miễn phí cho bệnh nhân nằm điều trị tại bệnh viện do mạnh thường quân tài trợ.

*** NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CHUNG**

A. Những kết quả đạt được:

- Công tác phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm thực hiện tốt, xử lý ổ dịch kịp thời. Tình hình dịch trong 03 tháng đầu năm 2024 đa số các bệnh truyền nhiễm đều giảm so với cùng kỳ. Riêng có 4 bệnh (Tay chân miệng, Quai bị, Cảm cúm, Bệnh do vi rút Adeno) tăng nhẹ so với cùng kỳ 2023, cho nên cần đẩy mạnh tăng cường công tác tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm.

- Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản - KHHGD đạt chỉ tiêu các biện pháp tránh thai như đặt vòng, thuốc tiêm, thuốc viên tránh thai, bao cao su, sàng lọc trước sinh; công tác khám sức khỏe tiền hôn nhân tăng hơn so cùng

kỳ năm 2023. Việc xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động chỉ tiêu phong trào Dân số, hoạt động mô hình, đề án diễn ra còn chậm so với tiến độ.

- Công tác truyền thông GDSK có nhiều chuyển biến tốt trong việc chủ động tham mưu hoạt động phòng, chống dịch bệnh tại địa phương, đặc biệt các dịch bệnh đang nổi: SXH, TCM,... Phối hợp chặt chẽ với ban ngành - đoàn thể các cơ quan, tuyên truyền sâu rộng trên phương tiện thông tin đại chúng thực hiện đa dạng các hình thức truyền thông.

B. Những tồn tại hạn chế

- Tình hình KCB còn thấp chưa thu hút người bệnh đến khám.
- Chưa có BS chuyên khoa lẻ: Mắt, răng hàm mặt, tai mũi họng...
- Tỷ lệ DMKT đạt thấp 29.1%
- Tỷ lệ trẻ em <1tuổi MDĐĐ đạt 14.6% so với KH 2024: 95% do thiếu vắc xin SII nên trẻ chưa được tiêm đầy đủ.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG QUÝ II/2024

1. Triển khai thực hiện Quyết định 281/QĐ-TTg ngày 05/04/2024 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 25- CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí Thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế trong tình hình mới.

2. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tốt công tác phòng chống các bệnh lây truyền từ động vật sang người: bệnh Đại, bệnh sởi, bệnh cúm, phổ biến nhất là bệnh cúm A (H5N1), sốt xuất huyết, tay-chân-miệng.

3. Thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động các TYT xã, thị trấn về khám chữa bệnh và thực hiện các chương trình y tế dự phòng.

4. Tiếp tục thực hiện trình Hội đồng tỉnh xét 3 xã: Thị trấn, Thạnh An, Thạnh Phú đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế năm 2023.

5. Xây dựng lộ trình đầu tư và phân đấu nâng mức xếp hạng các tiêu chí cơ bản thuộc Bộ chỉ số đánh giá chất lượng bệnh viện: DMKT mới, áp dụng Đề tài NCKH, Cập nhật phác đồ điều trị mới ...

6. Tiếp tục giám sát thực hiện khám chữa bệnh BHYT và chấn chỉnh thanh quyết toán BHYT.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động quý I và phương hướng hoạt động quý II năm 2024 của Trung tâm Y tế Thạnh Hóa./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế Long An (B/c);
- Khoa – phòng TTYT;
- TYT xã, thị trấn;
- Lưu: VT, KHN.V.

GIÁM ĐỐC

Lê Văn Thanh